

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11/2012/QĐ-UBND

Kon Tum, ngày 12 tháng 3 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của
Ban Quản lý - Khai thác các công trình thủy lợi tỉnh Kon Tum**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình thủy lợi; Nghị định số 115/2008/NĐ-CP ngày 14/11/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 143/2003/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 65/2009/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 10 năm 2009 hướng dẫn về tổ chức hoạt động và phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 40/2011/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 5 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc quy định năng lực của tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, khai thác công trình thủy lợi;

Xét đề nghị của Giám đốc Ban Quản lý - Khai thác các công trình thủy lợi tỉnh tại Tờ trình số 12/TTr-BQL ngày 09 tháng 02 năm 2012 và của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 225/TTr-SNV ngày 27 tháng 2 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý - Khai thác các công trình thủy lợi tỉnh Kon Tum.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và Giám đốc Ban Quản lý - Khai thác các công trình thủy lợi tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Hùng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Về tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý – Khai thác các công trình thủy lợi

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 11 /2012/QĐ-UBND
ngày 12 tháng 3 năm 2012 của UBND tỉnh Kon Tum)*

Chương I

VỊ TRÍ, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ TỔ CHỨC BỘ MÁY

Điều 1. Ban Quản lý - Khai thác các công trình thủy lợi tỉnh là đơn vị sự nghiệp có thu, trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, có tư cách pháp nhân, tài khoản và con dấu riêng để hoạt động. Ban Quản lý - Khai thác các công trình thủy lợi có chức năng quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi được Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

Ban Quản lý - Khai thác các công trình thủy lợi tỉnh Kon Tum chịu sự chỉ đạo, quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời chịu sự chỉ đạo kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ của Tổng cục Thủy lợi trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Trụ sở của Ban Quản lý - Khai thác các công trình thủy lợi đặt tại số 42 đường Hoàng Diệu- Phường Thống Nhất - Thành phố Kon Tum - tỉnh Kon Tum.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Quản lý - Khai thác các công trình thủy lợi

1. Điều hòa, phân phối nước công bằng hợp lý, phục vụ sản xuất và đời sống, ưu tiên nước sinh hoạt; ký kết và thực hiện hợp đồng với các tổ chức, cá nhân sử dụng nước, làm dịch vụ từ công trình thủy lợi;

2. Thực hiện quy hoạch, kế hoạch, quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn kỹ thuật, dự án đầu tư của hệ thống công trình thủy lợi đã được cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

3. Tham mưu xây dựng quy trình vận hành công trình, quy trình điều tiết nước của hồ chứa, quy trình vận hành hệ thống trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện;

4. Quan trắc, theo dõi thu thập các số liệu theo quy định; nghiên cứu tổng hợp và ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ vào việc khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; lưu trữ hồ sơ khai thác công trình thủy lợi; thực hiện các

quy định của nhà nước về bảo vệ tài nguyên, môi trường, quốc phòng và an ninh quốc gia;

5. Theo dõi, phát hiện và xử lý kịp thời các sự cố của công trình trước, trong và sau mùa mưa lũ; duy tu, bảo dưỡng, vận hành bảo đảm an toàn và phát triển năng lực công trình; làm chủ đầu tư xây dựng công trình thủy lợi được cơ quan có thẩm quyền giao;

6. Sử dụng vốn, kinh phí, nguồn lực do Nhà nước giao để cung cấp các dịch vụ công ích cho các đối tượng theo khung giá hoặc phí theo quy định của Nhà nước tại từng thời điểm;

7. Thực hiện đúng chế độ và các quy định về quản lý vốn, tài sản, các quỹ; về kế toán, hạch toán, chế độ kiểm toán và các chế độ khác do Nhà nước quy định; chịu trách nhiệm về tính chính xác và hợp pháp hoạt động tài chính của đơn vị;

8. Thu thủy lợi phí, tiền nước, phí xả nước thải theo hợp đồng; kiến nghị Ủy ban nhân dân các cấp hoặc yêu cầu tòa án nhân dân giải quyết trong trường hợp các tổ chức, cá nhân được hưởng lợi từ công trình thủy lợi cố tình không trả đủ thủy lợi phí và giải quyết các tranh chấp về hợp đồng sử dụng nước;

9. Kiến nghị Ủy ban nhân dân các cấp nơi có công trình thủy lợi thực hiện các biện pháp cần thiết để đảm bảo an toàn công trình trong trường hợp công trình bị xâm hại hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố và huy động lao động công ích để tu bổ, sửa chữa, nâng cấp và xử lý sự cố công trình thủy lợi theo quy định của pháp luật;

10. Được tuyển chọn, thuê mướn lao động, bố trí sử dụng lao động, đào tạo lao động theo quy định của pháp luật;

11. Thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Tổ chức bộ máy và định mức lao động, kinh phí hoạt động của Ban Quản lý- Khai thác các công trình thủy lợi

1. Lãnh đạo Ban Quản lý- Khai thác các công trình thủy lợi gồm có Giám đốc và không quá 02 Phó Giám đốc. Bổ nhiệm phó giám đốc do giám đốc giới thiệu.

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc, Phó Giám đốc thực hiện theo quy định phân cấp quản lý cán bộ hiện hành.

2. Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, đơn vị trực thuộc:

- a) Phòng Tổ chức hành chính;
- b) Phòng Kỹ thuật và Quản lý công trình;
- c) Phòng Tài chính- Kế hoạch;

d) Trạm quản lý thủy nông các huyện: Đăk Hà; Đăk Tô; Ngọc Hồi; Sa Thầy; Kon Rẫy và thành phố Kon Tum.

Việc quy định nhiệm vụ cụ thể và bố trí cán bộ, người lao động cho từng phòng, ban, đơn vị trực thuộc do Giám đốc Ban Quản lý- Khai thác các công trình thủy lợi quyết định trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và tổng quỹ lương theo định mức kinh tế - kỹ thuật trong công tác quản lý khai thác công trình thủy lợi do Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành.

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Trưởng, Phó các phòng, ban; Trưởng, Phó Trạm quản lý thủy nông các huyện, thành phố do Giám đốc quyết định trên cơ sở tiêu chuẩn của Thông tư số: 40/2011/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 5 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc quy định năng lực của tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, khai thác công trình thủy lợi.

3. Định mức lao động và kinh phí hoạt động:

Định mức lao động và kinh phí hoạt động thực hiện theo quy định hiện hành (áp dụng theo Quyết định số 460/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành định mức kinh tế- kỹ thuật trong công tác quản lý khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Quyết định 327/QĐ-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh định mức kinh tế- kỹ thuật trong công tác quản lý khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Kon Tum và Hướng dẫn số 228/HD-LN ngày 04 tháng 6 năm 2009 của Liên ngành: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư về một số nội dung liên quan đến công tác duy tu, sửa chữa thường xuyên công trình thủy lợi).

Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc Ban Quản lý - Khai thác các công trình thủy lợi.

1. Giám đốc Ban Quản lý- Khai thác các công trình thủy lợi là Thủ trưởng cơ quan, chịu trách nhiệm cá nhân trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về toàn bộ công việc được giao.

2. Giám đốc Ban Quản lý- Khai thác các công trình thủy lợi có những nhiệm vụ và quyền hạn sau:

a) Tổ chức và chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 2 trong Quy chế này đảm bảo kịp thời và đạt hiệu quả.

b) Quản lý, sử dụng cán bộ, người lao động trong cơ quan theo đúng thẩm quyền quy định.

c) Quản lý, sử dụng và chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng tài chính, tài sản, vật tư, thiết bị... của cơ quan đơn vị.

d) Thực hiện tốt chính sách chăm lo đời sống vật chất và tinh thần; nâng cao trình độ nghiệp vụ cho cán bộ, và người lao động trong cơ quan.

đ) Là chủ tài khoản của cơ quan.

e) Chỉ đạo các Phòng chuyên môn và đơn vị trực thuộc thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

f) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành một số văn bản hướng dẫn thực hiện các quy định, chính sách của Nhà nước về lĩnh vực được giao theo quy định. Ban hành các văn bản hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ theo quy định và thẩm quyền được giao.

g) Ủy quyền cho Phó Giám đốc giải quyết các công việc của cơ quan khi Giám đốc vắng mặt.

Điều 5. Nhiệm vụ và quyền hạn của Phó Giám đốc.

1. Giúp việc cho Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và pháp luật nhà nước về toàn bộ nội dung công việc thuộc lĩnh vực được Giám đốc phân công hoặc ủy quyền; tham gia ý kiến với Giám đốc về công việc chung của cơ quan.

2. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khi Giám đốc đi vắng hoặc ủy quyền.

3. Được chủ tài khoản ủy quyền đăng ký chữ ký tại Kho bạc Nhà nước.

Chương II

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 6. Chế độ làm việc

1. Về xây dựng kế hoạch, chương trình công tác:

a) Trên cơ sở đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; chương trình công tác của Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh; Ban Quản lý- Khai thác các công trình thủy lợi tiến hành cụ thể hoá chương trình, kế hoạch công tác cho từng thời kỳ phù hợp với quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

b) Xây dựng nội dung kế hoạch và chương trình công tác hàng tháng, quý, sáu tháng và năm để tổ chức triển khai thực hiện.

2. Giải quyết công việc:

a) Những vấn đề thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thì Giám đốc Ban Quản lý có văn bản trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. Nếu công việc có liên quan đến nhiều ngành, nhiều cấp thì Giám đốc phải trao đổi và thống nhất bằng văn bản với các ngành, các cấp có liên quan trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

b) Những vấn đề thuộc thẩm quyền giải quyết của Giám đốc Ban Quản lý đã được quy định thời gian giải quyết thì Giám đốc Ban Quản lý giải quyết

đúng theo quy định; đối với những việc pháp luật không quy định thời hạn giải quyết thì trong thời gian 15 ngày (ngày làm việc) kể từ ngày thụ lý công việc đó, Giám đốc Ban Quản lý phải tổ chức giải quyết và trả lời cho cơ sở, tổ chức, công dân, các hộ dùng nước trên tinh thần cải cách hành chính. Trường hợp chưa giải quyết hoặc không giải quyết thì phải trả lời rõ lý do cho cơ sở, tổ chức và công dân và hộ dùng nước biết bằng văn bản.

3. Chế độ soạn thảo, trình ký và ban hành văn bản:

a) Việc soạn thảo văn bản phải thực hiện đúng theo quy trình, thể thức văn bản. Nội dung văn bản phải rõ ràng, cụ thể và không trái với quy định của pháp luật. Ban hành văn bản phải đến đúng đối tượng thi hành trong văn bản. Văn bản chỉ được ban hành sau khi đã kiểm tra và văn thư đã vào sổ theo dõi.

b) Đối với văn bản thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: Giám đốc Ban Quản lý phải lập các thủ tục trình ký theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Đối với văn bản thuộc thẩm quyền của Giám đốc Ban Quản lý: Việc ký và ban hành văn bản do Giám đốc chịu trách nhiệm về nội dung và thể thức văn bản. Phó Giám đốc Ban Quản lý khi được Giám đốc uỷ quyền ký và ban hành các văn bản phải chịu trách nhiệm về nội dung và hình thức văn bản trước Giám đốc.

4. Chế độ thông tin, báo cáo:

a) Hàng tháng, quý, sáu tháng, năm Giám đốc Ban Quản lý báo cáo tình hình triển khai công tác với Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan có liên quan theo đúng thời gian quy định.

b) Khi đi công tác ngoài tỉnh, Giám đốc Ban Quản lý phải báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Khi có vấn đề đột xuất nảy sinh vượt quá thẩm quyền thì Giám đốc Ban Quản lý phải báo cáo ngay với cấp có thẩm quyền để xem xét, chỉ đạo và xử lý kịp thời.

Điều 7. Mối quan hệ công tác

1. Với Ủy ban nhân dân tỉnh: Chịu sự chỉ đạo, lãnh đạo toàn diện trực tiếp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Tổng cục thủy lợi: Phối hợp và chịu sự chỉ đạo về chuyên môn nghiệp vụ của Tổng cục Thủy lợi.

3. Với các ngành liên quan và chính quyền địa phương: Phối hợp để giải quyết công việc liên quan đến nghiệp vụ quản lý và bảo vệ khai thác các công trình thủy lợi theo đúng quy định của pháp luật.

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 8. Giám đốc Ban Quản lý- Khai thác các công trình thuỷ lợi chịu trách nhiệm theo dõi, chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện quy chế này.

Trong quá trình triển khai thực hiện, có khó khăn vướng mắc Giám đốc Ban Quản lý - Khai thác các công trình thuỷ lợi kịp thời báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ tỉnh) xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Hùng